

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ PHÂN LOẠI CÁC CHI CỦA HỌ BAN (HYPERICACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM

Lê Ngọc Hân¹, Ngô Đức Phương²

¹*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,*

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²*Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vườn thuốc nam*

Trên thế giới hiện nay họ Ban (Hypericaceae Juss.) có khoảng 550 loài, 9 chi; phân bố chủ yếu ở các nước nhiệt đới. Ở Việt Nam, Phạm Hoàng Hộ (1999), xếp Hypericaceae trong họ Guttiferae, gồm chi *Hypericum* có 6 loài và 1 thứ; chi *Cratoxylum* có 4 loài và 1 phân loài; Nguyễn Tiến Bân (2003), tách Hypericaceae thành một họ độc lập, số loài không thay đổi. Ngô Đức Phương và cộng sự (2006, 2009) đã bổ sung một số loài thuộc chi *Hypericum* cho hệ thực vật Việt Nam. Ở Việt Nam, họ Hypericaceae là một họ không lớn, nhưng nhiều loài trong họ này có giá trị làm thuốc. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu phân loại nào mang tính hệ thống từ việc lựa chọn hệ thống phân loại cho đến mô tả các taxon. Bài báo này trình bày kết quả phân loại các chi của họ Ban ở Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của họ Ban - Hypericaceae Juss. ở Việt Nam trong tự nhiên và các mẫu tiêu bản được lưu giữ tại các Phòng tiêu bản của các cơ quan nghiên cứu khoa học.

2. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu được chúng tôi sử dụng là phương pháp so sánh hình thái.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm hình thái họ Ban (Hypericaceae Juss.)

Dạng sống: Các đại diện thuộc họ Ban ở Việt Nam là thân gỗ, thân bụi hay thân cỏ. Thân gỗ có thể cao tới 20 m. Thân cỏ một năm hay nhiều năm. Thân non có lông hay không.

Lá: Tất cả các đại diện của họ Ban có lá đơn, mọc đối hay mọc cách. Phiến lá hình trứng, bầu dục, bầu dục thuôn hay hình mác, thường có cuống, gân bên dễ thấy. Chóp lá tròn hay nhọn; gốc thường nhọn, đôi khi tù. Thường có tuyến ở mặt dưới hay ở mép lá, có lông hay không.

Cụm hoa: Cụm hoa dạng xim mọc ở đỉnh cành hay nách lá, hiếm khi đơn độc.

Hoa: Các đại diện họ Ban có hoa lưỡng tính, mẫu 5. Đài hình chữ nhật, hình trứng, gần tròn, hình bầu dục, hình mác hay hình elip; chóp tròn hay nhọn, đôi khi mép có răng cưa; có lông hay không, đôi khi có tuyến. Cánh hoa hình tròn, hình chữ nhật, hình thuôn hay hình mác; mép nguyên hay có răng cưa; màu đỏ, hồng, trắng, xanh hay vàng. Nhị nhiều, dính thành 3, 5 bó (có thể có bó nhị lép xem giữa), đôi khi bó không rõ; chỉ nhị ngắn hay tiêu biến; bao phấn dẹt. Bầu trên; hình trứng hay hình trái xoan; (1) 3, 5 ô; vòi nhụy rời, bằng số ô, đôi khi dính ở gốc.

Quả: Quả nang, hình trứng, hình cầu hay trái xoan; mở 3 mảnh. Đôi khi có đài tồn tại bao lấy quả.

Hạt: 4- nhiều. Hạt hình trứng, bầu dục, thuôn; không nội nhũ. Vỏ nhẵn hay có gân, đôi khi có cánh.

2. Vị trí và phân loại họ Ban (Hypericaceae Juss.)

Họ Ban (Hypericaceae) được Jussieu thành lập năm 1789. Cho đến nay đã có nhiều tác giả đề cập đến vị trí của họ Hypericaceae trong lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida) như: J. Lindley (1833) xếp trong bộ Guttiales; J. Hutchinson (1959), G. Bentham & J. D. Hooker (1862) xếp Hypericaceae trong bộ Guttiferales cùng với các họ Clusiaceae, Eucryphiaceae, Quniinaceae; V. H. Heywood (1996) xếp trong bộ Theales với các đặc điểm (cây bụi, nhẵn hay có gai; lá đơn; bầu trên, 3-6 lá noãn; nhiều hạt; nội nhũ mỏng;...); A. Takhtajan (1997) xếp họ Ban trong bộ Hypericales, có quan hệ gần gũi với Clusiaceae và Bonnetiaceae; S. J. Walter et al. (2002), P. E. Stevens (2007), K. J. Wurdack & C. C. Davis (2009), B. R. Ruhfel et al. (2011) dựa vào đặc điểm hình thái và sinh học phân tử đã xếp Hypericaceae trong bộ Malpighiales.

Chúng tôi cho rằng có thể tổng hợp thành 2 loại quan điểm về phân loại họ Hypericaceae đến nay như sau:

Quan điểm thứ nhất: chưa coi Hypericaceae là một họ độc lập như hệ thống của A. Engler (1895); Besey (1915), Thonner (1917), Melchior (1964), Dahlgren (1980), Cronquist (1981), V. H. Heywood (1996); các tác giả xếp Hypericaceae trong họ Clusiaceae hay Guttiferae.

Quan điểm thứ hai: coi Hypericaceae là một họ độc lập, gồm 7-9 chi, được chia thành 2-3 phân họ hoặc chia thành các tông. Quan điểm này có nhiều tác giả như: De Candolle, (1832); G. Bentham & J. D. Hooker (1862); Ridley (1922), Engler & Diels (1936), Kimura (1951), J. Hutchinson (1959); Backer (1963), Whitmore (1972), Corner (1976), A. Takhtajan (1997); R. Zakaria và cs. (2007), P. E. Stevens (2007),...

Sau khi nghiên cứu chúng tôi lựa chọn hệ thống của P. E. Stevens (2007) để nghiên cứu phân loại họ Hypericaceae ở Việt Nam. Theo đó họ Hypericaceae ở Việt Nam là một họ độc lập; thuộc bộ Malpighiales; gồm 2 tông Cratoxyleae và Hypericeae, 2 chi và khoảng 15 loài.

Khóa định loại các chi thuộc họ Hypericaceae ở Việt Nam

- 1A. Hạt có cánh. Cây gỗ hay bụi. Cánh hoa màu đỏ, hồng, trắng hay xanh
Cratoxyleae gen. *Cratoxylum*
- 1B. Hạt không có cánh. Cây bụi hay cỏ. Cánh hoa màu vàng
Hypericeae gen. *Hypericum*

Cratoxylum Blume - Thành ngạnh

Blume, 1823. Verh. Batav. Genootsch. Kunst. 9: 172; W. T. T. Dyer, in Hooker f. 1874. Fl. Brit. India, 1: 257; Gagnep. in Lecomte, 1909. Fl. Gen. Indoch. I(3): 287; Backer, Bakh f. 1963. Fl. Java, 1: 383; Robson, 1974. Fl. Males. 8(1): 4; L. Hsiwen, et al., 1990. Fl. Rep. Pop. Sin. 50(2): 76; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 464; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 370; Auct. 2007. Fl. China, 13: 36; D. Wu, 2007. Fl. Hongkong, 1: 198.

Cây gỗ hay cây bụi, thân non thường vuông. Lá mọc đối, có cuống; phiến lá hình bầu dục, bầu dục thuôn hay hình trứng thuôn; có tuyến ở mặt dưới hay ở mép lá, có lông hay không; gân bên dễ thấy, vấn hợp hay sát mép. Cụm hoa xim ở đầu cành hay nách lá. Hoa lưỡng tính. Đài 5, 2 vòng; hình bầu dục hay hình trứng, hình chữ nhật, đỉnh tròn hay nhọn, gốc tù, thường không đều. Cánh hoa màu đỏ, hồng, trắng hay xanh; đôi khi có phần phụ ở gốc. Nhị nhiều, 3 bó, chỉ nhị ngắn; bó nhị lép ít phát triển. Bầu hình trứng, trái xoan; 3 ô, núm nhụy 3. Quả nang, mở 3 mảnh; có đài tồn tại, đôi khi có bó nhị. Hạt 4-nhiều; hình bầu dục, bầu dục thuôn hay hình mác; nhẵn, có cánh.

Typus: *Cratoxylum hornschuchii* Blume

Thế giới có 6 loài. Việt Nam có 4 loài và 1 phân loài

Hypericum L. - Ban

L. 1753. Sp. Pl. 783; W. T. T. Dyer, in Hooker f. 1874. Fl. Brit. India, 1: 253; Gagnep. in Lecomte, 1909. Fl. Gen. Indoch. I(3): 284; Backer, Bakh f. 1963. Fl. Java, 1: 382; L. Hsiwen et al., 1990. Fl. Rep. Pop. Sin. 50(2): 8; N. K. B. Robson, 1996. in T. C. Huang, Fl. Taiwan, 2: 698; Phamh. 1999. Illustr. Fl. Vietn. 1: 462; N. T. Ban, 2003. Check. Pl. Sp. Vietn. 2: 371; Auct. 2007. Fl. China, 13: 2; D. Wu, 2007. Fl. Hongkong, 1: 199.

Cây bụi hay cỏ một năm hay nhiều năm. Lá đơn, mọc đối, không cuống hay có cuống; phiến lá hình mác, hình trứng hẹp hay hình thuôn; có tuyến; có lông hay không. Cụm hoa thường có dạng hình xim. Hoa lưỡng tính, thường không đều. Đài 5, hình trứng rộng, gần tròn, hình mác hay hình elip; mép nguyên hay có răng cưa. Cánh hoa 5, màu vàng, hình thuôn dài, hình trứng ngược hay hình mác. Nhị nhiều, xếp thành 3, 5 bó, rời; chỉ nhị mảnh, bao phấn thường mở dọc. Bầu hình trứng hay hình xoan, (1) 3, 5 ô. Quả nang, hình cầu hay hình trứng. Hạt nhỏ, nhẵn, thường có gờ, không có cánh.

Typus: *Hypericum perforatum* L.

Thế giới có khoảng 460 loài. Việt Nam có hơn 10 loài.

III. KẾT LUẬN

Dựa vào hệ thống của P. E. Stevens (2007), chúng tôi đã xác định được họ Ban (Hypericaceae) ở Việt Nam hiện có 2 tông, 2 chi. Chúng tôi đã đưa ra đặc điểm hình thái của họ Ban và xây dựng khóa phân loại, mô tả đặc điểm của 2 chi *Cratoxylum* và *Hypericum* ở Việt Nam.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin cảm ơn sự hỗ trợ kinh phí từ Đề tài mã số IEBR.ThST.04/17.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2: 370-372.
2. **Gagnepain F.**, 1909. In: H. Lecomte, Flore Générale de L' Indochine, Paris, 1(3): 284-288.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 1: 448-465.
4. **Hsiwen L., L. Yanhui, T. Shaoquan et T. Gouda**, 1990. Flora Reipublicae Popularis Sinicae, Science Press, Beijing, 50 (2): 3-112.
5. **Hutchinson J.**, 1959. The families of flowering plants, Clarendon Press, Oxford, 1: 297-300.
6. **Ngô Đức Phương, Nguyễn Văn Tập**, 2006. Bổ sung một loài cây thuốc cho hệ thực vật Việt Nam, Tạp chí Dược liệu, 11(2): 47-48.
7. **Ngô Đức Phương, Nguyễn Tập, Trần Văn Tuy**, 2009. Bổ sung 2 loài thuộc chi *Hypericum* L. (họ *Hypericaceae* Juss.) cho hệ thực vật Việt Nam, Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ ba: 264-268.
8. **Stevens P. F.**, 2007. In: K. Kubitzki (ed.). The families and genera of vascular plants, Springer, Berlin, 9: 194-201.

9. **Takhtajan A.**, 1997. Diversity and Classification of Flowering Plants, Columbia University Press, New York: 166-168.

**MORPHOLOGICAL CHARACTERS AND TAXONOMY OF THE FAMILY
HYPERICACEAE IN VIETNAM**

Le Ngoc Han, Ngo Duc Phuong

SUMMARY

The family Hypericaceae contains about 9 genera with 550 species in the world. Ho (2000) and Nguyen et al. (2003) described briefly identify characteristics of 10 species and one variety of a subspecies of this family in Vietnam. We followed Stevens (2007)'s system of classification in Vietnam because it used both morphological and molecular data. Hypericaceae comprises 2 genera and 2 tribes in Vietnam. In this study, we describe morphological characteristics of the family Hypericaceae and develop a key for 2 genera of this family.